

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA ,BỆNH THEO YÊU CẦU

Đơn vị: đồng

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá	Ghi chú
1	Khám Da liễu	Lần	165.000	
2	Khám Mắt	Lần	165.000	
3	Khám Ngoại	Lần	165.000	
4	Khám Nhi	Lần	165.000	
5	Khám Nội	Lần	165.000	
6	Khám nội [Khám tại đơn vị tim mạch can thiệp]	Lần	200.000	
7	Khám nội [Khu vực cấp cứu ngoài giờ từ 16giờ - 20giờ, chủ nhật,...]	Lần	135.000	
8	Khám Nội Tiết	Lần	165.000	
9	Khám phụ khoa	Lần	165.000	
10	Khám Phụ Sản	Lần	165.000	
11	Khám Phục hồi chức năng	Lần	165.000	
12	Khám Răng Hàm Mát	Lần	165.000	
13	Khám sức khỏe tâm thần	Lần	300.000	
14	Khám Tai Mũi Họng	Lần	165.000	
15	Khám thai	Lần	165.000	
16	Khám YHCT	Lần	165.000	
17	Cấy phân (Khám sức khoẻ)	Lần	50.000	
18	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
19	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
20	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
21	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
22	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
23	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
24	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
25	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
26	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
27	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
28	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
29	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
30	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
31	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
32	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
33	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
34	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
35	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
36	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
37	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
38	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
39	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
40	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
41	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
42	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
43	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
44	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
45	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
46	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	3.351.400	

47	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
48	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
49	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
50	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
51	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
52	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
53	Chụp cắt lớp vi tính tĩnh mạch điểm vôi hóa mạch vành (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
54	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
55	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
56	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
57	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
58	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
59	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
60	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
61	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	1.636.800	
62	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
63	Chụp CLVT mạch máu não (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
64	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
65	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
66	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
67	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
68	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 64-128 dãy)	Lần	1.636.800	
69	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 64-128 dãy)	Lần	1.882.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
70	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	400.000	
71	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)	Lần	350.000	Bảng phương pháp DEXA
72	Siêu âm đàn hồi mô vú	Lần	350.000	Bảng phương pháp DEXA
73	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	Lần	350.000	Bảng phương pháp DEXA
74	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	Lần	250.000	
75	Siêu âm mắt	Lần	130.000	
76	Siêu âm thai 3D/4D	Lần	350.000	
77	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Lần	200.000	
78	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Lần	200.000	
79	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Lần	200.000	
80	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Lần	200.000	
81	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	250.000	
82	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Lần	200.000	
83	Siêu âm tử cung phần phụ	Lần	200.000	
84	Siêu âm doppler động mạch tử cung	Lần	350.000	
85	Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Lần	200.000	Bảng phương pháp DEXA
86	Siêu âm doppler tử cung phần phụ	Lần	250.000	Bảng phương pháp DEXA
87	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	350.000	
88	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	Lần	250.000	Bảng phương pháp DEXA
89	Holter điện tâm đồ	Lần	462.000	
90	Holter huyết áp	Lần	450.000	
91	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [1 vị trí] [Bảng phương pháp DEXA]	Lần	220.000	Bảng phương pháp DEXA
92	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí]	Lần	330.000	Bảng phương pháp DEXA
93	Cắt chỉ	Lần	100.000	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
94	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)	Lần	8.800.000	
95	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp gối	Lần	12.674.500	Chưa bao gồm khớp nhân tạo.
96	Chụp và bơm thuốc tiêu sợi huyết đường động mạch điều trị tắc động mạch não cấp số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy di vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc

97	Chụp và can thiệp các bệnh lý hệ tĩnh mạch não số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
98	Chụp và can thiệp lấy huyết khối động mạch não số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
99	Chụp và nút dị dạng mạch tùy số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
100	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch màng cứng số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
101	Chụp và nút phình động mạch não số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
102	Chụp và tạo luồng thông cửa chủ qua da (TIPS) số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
103	Chụp, nong và đặt stent điều trị hẹp động mạch ngoài sọ (mạch cảnh, đốt sống) số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
104	Chụp, nong và đặt stent điều trị hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
105	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần	2.000.000	
106	Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống	Lần	11.000.000	Chưa bao gồm kim chọc, xi măng sinh học hoặc hóa học, hệ thống bơm xi măng, bộ bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, thuốc và oxy, mũi khoan
107	Cắt niệu quản bằng quang	Lần	11.500.000	
108	Cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm	Lần	13.500.000	
109	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	Lần	10.500.000	
110	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm	Lần	10.500.000	
111	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	Lần	10.281.000	
112	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm	Lần	15.000.000	
113	Cắt bằng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	Lần	12.500.000	
114	Cắt bỏ tinh hoàn	Lần	8.000.000	
115	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	Lần	9.000.000	
116	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	Lần	6.000.000	
117	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	Lần	10.000.000	
118	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	Lần	9.700.000	
119	Cắt các u lành vùng cổ	Lần	9.500.000	
120	Cắt các u nang giáp móng	Lần	8.800.000	
121	Cắt đoạn đại tràng nối ngay	Lần	13.000.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
122	Cắt dương vật không vết hạch, cắt một nửa dương vật	Lần	9.500.000	
123	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong basedow	Lần	11.000.000	Chưa bao gồm dao hàn mạch, hàn mô
124	Cắt khối u khẩu cái	Lần	12.000.000	
125	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính [Gây tê]	Lần	4.092.800	Chưa bao gồm thuốc và oxy
126	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	Lần	14.000.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
127	Cắt 1 thùy phổi hoặc một phần thùy phổi do ung thư	Lần	15.500.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động, ghim khâu máy hoặc stapler; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
128	Cắt nang thừng tinh một bên	Lần	8.500.000	
129	Cắt nang xương hàm khó	Lần	8.250.000	
130	Cắt nối niệu đạo sau	Lần	11.500.000	
131	Cắt nối niệu đạo trước [Gây tê]	Lần	11.500.000	
132	Cắt nối niệu quản	Lần	11.500.000	
133	Cắt thận đơn thuần	Lần	11.500.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

134	Cắt thân rộng rãi + nạo vét hạch	Lần	14.000.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
135	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm	Lần	15.700.000	
136	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm	Lần	15.700.000	
137	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong basedow bằng dao siêu âm	Lần	13.500.000	
138	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm	Lần	15.700.000	
139	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi [Gây tê]	Lần	12.400.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
140	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	Lần	3.200.000	
141	Cắt u lành dương vật	Lần	8.300.000	
142	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Lần	4.000.000	
143	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Lần	5.000.000	
144	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	Lần	6.500.000	
145	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	Lần	12.500.000	
146	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10 cm	Lần	9.700.000	
147	Cắt u mi cá bẽ dây không ghép	Lần	3.000.000	
148	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây tê]	Lần	3.300.000	
149	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm [gây tê]	Lần	3.800.000	
150	Cắt u nang buồng trứng	Lần	8.500.000	
151	Cắt u thành âm đạo	Lần	5.500.000	
152	Cắt u trung thất	Lần	14.500.000	
153	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	Lần	10.450.000	Chưa bao gồm dao siêu âm.
154	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	12.000.000	Chưa bao gồm dao siêu âm.
155	Cắt u vú lành tính [Gây tê]	Lần	5.000.000	Chưa bao gồm thuốc tê, oxy
156	Cắt u vùng hàm mặt phức tạp	Lần	10.800.000	
157	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	Lần	9.000.000	
158	Cắt u xương sụn lành tính	Lần	7.085.900	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.
159	Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mạc chung	Lần	8.302.900	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
160	Chuyển vật cản cơ cánh tay trước	Lần	8.720.600	
161	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa, mũi khoan
162	Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)	Lần	13.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa, mũi khoan
163	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	Lần	9.324.900	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
164	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
165	Điều trị đài ri ở nữ bằng đặt miếng nâng niệu đạo TOT	Lần	9.400.000	
166	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê)	Lần	9.020.000	Chưa bao gồm nẹp, vít.
167	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	Lần	7.920.000	Chưa bao gồm nẹp, vít.
168	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h) [Gây tê]	Lần	8.100.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
169	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6h, tạo hình hậu môn	Lần	8.500.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
170	Điều trị túy lại	Lần	2.640.000	
171	Điều trị túy răng và hàn kín hệ thống ống túy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay [răng số 1, 2, 3]	Lần	1.430.000	
172	Điều trị túy răng và hàn kín hệ thống ống túy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay [răng số 4,5]	Lần	1.800.000	
173	Điều trị túy răng và hàn kín hệ thống ống túy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	2.145.000	
174	Điều trị túy răng và hàn kín hệ thống ống túy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy [răng số 1, 2, 3]	Lần	1.430.000	
175	Điều trị túy răng và hàn kín hệ thống ống túy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy [răng số 4, 5]	Lần	1.800.000	
176	Điều trị túy răng và hàn kín hệ thống ống túy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	1.980.000	
177	Điều trị túy răng và hàn kín hệ thống ống túy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	2.145.000	
178	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong	Lần	9.700.000	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
179	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	6.065.600	
180	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	8.415.300	
181	Ghép da tự thân mất lưới (mesh graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	8.449.400	
182	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
183	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Lần	3.500.000	
184	Khâu tử cung do nạo thủng	Lần	7.500.000	

185	Khoét chớp cổ tử cung	Lần	3.000.000	
186	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	Lần	5.000.000	
187	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	Lần	8.500.000	
188	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	Lần	5.000.000	
189	Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn	Lần	3.500.000	
190	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lần	12.500.000	
191	Lấy sỏi mới bể thận trong xoang	Lần	13.500.000	
192	Lấy sỏi mới bể thận, đài thận có dẫn lưu thân	Lần	12.500.000	
193	Lấy sỏi san hô thận	Lần	12.500.000	
194	Mở cung sau và cắt bỏ móm khớp dưới	Lần	8.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
195	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	Lần	8.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
196	Mở rộng lỗ sáo	Lần	6.000.000	
197	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây mê]	Lần	3.806.400	
198	Nhổ răng vĩnh viễn	Lần	550.000	
199	Nội soi bàng quang cắt u	Lần	13.500.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
200	Nội soi bàng quang cắt u [Gây tê]	Lần	13.000.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
201	Nội soi bàng quang tán sỏi	Lần	9.800.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi, dây tán sỏi
202	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	Lần	9.800.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi, dây tán sỏi
203	Nội soi tán sỏi niệu đạo	Lần	8.000.000	
204	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	Lần	13.000.000	Chưa bao gồm ống soi mềm
205	Phẫu thuật dẫn lưu dịch não tủy thất lưng-ổ bụng	Lần	12.000.000	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo, mũi khoan
206	Phẫu thuật áp xe dưới màng tủy	Lần	14.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
207	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy	Lần	15.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
208	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Lần	6.000.000	
209	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]	Lần	5.840.400	
210	Phẫu thuật cắt bỏ đường rò dưới da - dưới màng tủy	Lần	8.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
211	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú	Lần	14.100.000	
212	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	Lần	5.000.000	
213	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2 cm trở lên	Lần	6.500.000	Chưa bao gồm mũi khoan
214	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dai tai [gây tê]	Lần	3.360.000	
215	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai [gây tê]	Lần	3.360.000	
216	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	Lần	7.000.000	
217	Phẫu thuật cắt chéo thân đốt sống cổ đường trước	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
218	Phẫu thuật cắt xoang hơi cuốn mũi giữa	Lần	7.200.000	
219	Phẫu thuật cắt cụt chi	Lần	6.994.900	
220	Phẫu thuật cắt cụt chi [Gây tê]	Lần	6.175.444	Chưa bao gồm thuốc và oxy
221	Phẫu thuật cắt đường thông động - tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận	Lần	5.000.000	
222	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
223	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	Lần	9.200.000	
224	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	Lần	7.200.000	
225	Phẫu thuật cắt một phần thùy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý	Lần	15.900.000	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.
226	Phẫu thuật cắt 1 thùy phổi bệnh lý	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động, ghim khâu máy hoặc stapler; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
227	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Lần	1.980.000	
228	Phẫu thuật cắt phanh má	Lần	1.980.000	
229	Phẫu thuật cắt phanh môi	Lần	1.980.000	
230	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Lần	3.447.000	
231	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson) [Gây tê]	Lần	8.200.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
232	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Lần	10.000.000	
233	Phẫu thuật cắt u lưỡi phản lưỡi di động	Lần	3.600.000	
234	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
235	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	Lần	2.200.000	
236	Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Lần	15.000.000	
237	Phẫu thuật chính trực Cal lệch đầu dưới xương quay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
238	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não	Lần	15.000.000	Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng và khuyết sọ, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
239	Phẫu thuật chứa ngoài tử cung thể huyết tu thành nang	Lần	10.000.000	
240	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa, mũi khoan

241	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lồi sau	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa, mũi khoan
242	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
243	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ ổ bụng	Lần	11.300.000	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo, mũi khoan
244	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dẫn não thất	Lần	11.300.000	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo, mũi khoan
245	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo, mũi khoan
246	Phẫu thuật đặt catheter vào nhu mô đo áp lực nội sọ	Lần	12.000.000	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo, mũi khoan
247	Phẫu thuật đặt catheter vào ống sống thắt lưng đo áp lực dịch não tủy	Lần	15.000.000	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo, mũi khoan
248	Phẫu thuật dị dạng động-tĩnh mạch não	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm kẹp mạch máu, miếng và khuyết sọ, van dẫn lưu, ghim, ốc, vít, nẹp, mũi khoan
249	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng [Gây tê]	Lần	5.684.789	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
250	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mù màng phổi	Lần	15.900.000	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.
251	Phẫu thuật điều trị bệnh suy - giãn tĩnh mạch chi dưới	Lần	10.900.000	
252	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới muôn	Lần	8.302.900	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
253	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	Lần	8.580.000	Chưa bao gồm nẹp, vít.
254	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chì thép	Lần	9.680.000	Chưa bao gồm nẹp, vít.
255	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	9.200.000	Chưa bao gồm nẹp, vít.
256	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Lần	8.200.000	Chưa bao gồm nẹp, vít.
257	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay [bên phải]	Lần	5.198.800	
258	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay [bên trái]	Lần	5.198.800	
259	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	Lần	3.393.600	
260	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản [Gây tê]	Lần	8.200.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
261	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein [Gây tê]	Lần	9.800.000	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
262	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác [Gây tê]	Lần	9.900.000	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
263	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Lần	9.900.000	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
264	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	Lần	6.720.600	
265	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân	Lần	7.275.900	Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
266	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
267	Phẫu thuật đóng đường rò dịch não tủy qua xoang trán	Lần	9.350.000	Chưa bao gồm màng não nhân tạo, miếng và khuyết sọ, bộ van dẫn lưu, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
268	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
269	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
270	Phẫu thuật gãy Monteggia	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
271	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
272	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
273	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	Lần	7.698.000	
274	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước	Lần	8.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
275	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên	Lần	8.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
276	Phẫu thuật gỡ đinh gân duỗi	Lần	5.511.900	
277	Phẫu thuật gỡ đinh gân duỗi [Gây tê]	Lần	4.890.200	Chưa bao gồm thuốc và oxy
278	Phẫu thuật gỡ đinh gân gấp	Lần	5.511.900	
279	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) gãy xương bả vai	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
280	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
281	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
282	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
283	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
284	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
285	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
286	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

287	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
288	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	Lần	11.474.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
289	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 mắt cá cổ chân	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
290	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm xương đùi	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
291	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè [Gãy tẻ]	Lần	8.577.600	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
292	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
293	Phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
294	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
295	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
296	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hai mắt cá chân	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
297	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
298	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
299	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay [nẹp vít]	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
300	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
301	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá + thân xương chày	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
302	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
303	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
304	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
305	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
306	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
307	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	Lần	9.324.900	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
308	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu [Gãy tẻ]	Lần	8.577.683	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
309	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
310	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
311	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
312	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
313	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
314	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
315	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
316	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
317	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân	Lần	9.324.900	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
318	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
319	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi	Lần	10.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
320	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp [Gãy tẻ]	Lần	8.577.683	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
321	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
322	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
323	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
324	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
325	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
326	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp ức đòn	Lần	9.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
327	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay	Lần	9.002.600	Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài.
328	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón [Gãy tẻ]	Lần	4.993.782	Chưa bao gồm thuốc và oxy
329	Phẫu thuật làm vận động khớp gối	Lần	9.647.900	
330	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ	Lần	15.000.000	Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng và khuyết sọ, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan

331	Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất)	Lần	13.000.000	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo, mũi khoan
332	Phẫu thuật lấy bỏ nang màng tủy (meningeal cysts) trong ống sống bằng đường vào phía sau	Lần	20.000.000	Chưa bao gồm nẹp, vít, miếng và nhân tạo, mũi khoan
333	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	Lần	7.000.000	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, mũi khoan
334	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	5.000.000	
335	Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định cột sống cổ (ACDF)	Lần	14.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa, mũi khoan
336	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	Lần	6.200.000	
337	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng và khuyết sọ, mũi khoan
338	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng và khuyết sọ, mũi khoan
339	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng và khuyết sọ, mũi khoan
340	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng và khuyết sọ, mũi khoan
341	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng và khuyết sọ, mũi khoan
342	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Lần	3.300.000	
343	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	Lần	8.700.000	
344	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...) [Gây tê]	Lần	8.700.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
345	Phẫu thuật lấy thai lần đầu [Gây tê]	Lần	6.500.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
346	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Lần	7.500.000	
347	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên [Gây tê]	Lần	7.300.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
348	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, HSN1, tiêu chảy cấp...)	Lần	10.500.000	
349	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	Lần	8.700.000	
350	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
351	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm [Gây tê]	Lần	5.493.782	Chưa bao gồm thuốc và oxy
352	Phẫu thuật Longo	Lần	8.400.000	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy.
353	Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tủy sống	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng và khuyết sọ, mũi khoan
354	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Lần	10.000.000	
355	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	Lần	6.000.000	
356	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	10.000.000	
357	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ [Gây tê]	Lần	8.500.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
358	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	10.000.000	
359	Phẫu thuật mở bụng sau cột sống ngực	Lần	7.698.000	
360	Phẫu thuật mở bụng sau đốt sống đơn thuần kết hợp với tạo hình màng cứng tủy	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
361	Phẫu thuật mở thông não thất, mở thông nang dưới nhện qua mở nắp sọ	Lần	7.728.000	
362	Phẫu thuật mổ có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [Kết mạc tự thân]	Lần	3.000.000	
363	Phẫu thuật mổ có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [Màng kép]	Lần	3.400.000	
364	Phẫu thuật nang màng nhện tủy	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
365	Phẫu thuật nang Tarlov	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
366	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	Lần	6.500.000	
367	Phẫu thuật nạo túi lợi	Lần	990.000	
368	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	Lần	2.200.000	
369	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	Lần	2.200.000	
370	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần	2.200.000	
371	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	Lần	2.200.000	
372	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân) [Gây tê]	Lần	5.604.730	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
373	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	Lần	12.500.000	
374	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	Lần	12.300.000	Chưa bao gồm dao siêu âm.
375	Phẫu thuật nội soi cắt - khâu kén khí phổi	Lần	9.200.000	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
376	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp [có dùng dao siêu âm]	Lần	15.000.000	
377	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp [có dùng dao siêu âm]	Lần	15.000.000	
378	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên	Lần	14.500.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
379	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	Lần	14.500.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
380	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow [có dùng dao siêu âm]	Lần	12.500.000	

381	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối	Lần	8.802.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo, lưỡi cắt, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao đốt điện, nẹp, ốc, vít.
382	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu	Lần	8.634.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo (mài), bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện, ốc, vít.
383	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối	Lần	8.802.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo, lưỡi cắt, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao đốt điện, nẹp, ốc, vít.
384	Phẫu thuật nội soi cắt một phần thùy phổi, kén - nang phổi	Lần	17.400.000	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
385	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	Lần	11.000.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
386	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	Lần	12.000.000	
387	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Lần	9.400.000	
388	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm	Lần	8.802.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo, lưỡi cắt, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao đốt điện, nẹp, ốc, vít.
389	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	Lần	11.500.000	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
390	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow [có dùng dao siêu âm]	Lần	14.500.000	
391	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	11.000.000	Chưa bao gồm dao hàn mạch, hàn mô
392	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	Lần	13.500.000	Chưa bao gồm dao hàn mạch, hàn mô
393	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Lần	15.000.000	
394	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	Lần	9.500.000	
395	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất lớn (> 5 cm)	Lần	14.500.000	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
396	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	Lần	7.728.000	
397	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	Lần	7.680.000	Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt.
398	Phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau	Lần	9.802.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo, lưỡi cắt, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao đốt điện, nẹp, ốc, vít.
399	Phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	Lần	17.150.000	Chưa bao gồm miếng và khuyết sọ, dao siêu âm (trong phẫu thuật u não), nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
400	Phẫu thuật nội soi hàm sàng trán bướm	Lần	14.640.000	
401	Phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân	Lần	9.802.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo, lưỡi cắt, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao đốt điện, nẹp, ốc, vít.
402	Phẫu thuật nội soi khâu chớp xoay	Lần	9.802.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo (mài), bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện, ốc, vít.
403	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	Lần	7.500.000	
404	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	Lần	12.000.000	
405	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	Lần	14.640.000	
406	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	Lần	8.520.000	
407	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	Lần	7.680.000	
408	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	Lần	12.000.000	
409	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	Lần	12.000.000	
410	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	Lần	12.000.000	
411	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	Lần	10.794.500	Chưa bao gồm nẹp vít, ốc, dao cắt sụn và lưỡi bảo, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao điện, gân sinh học, gân đồng loại.
412	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	Lần	10.794.500	Chưa bao gồm nẹp vít, ốc, dao cắt sụn và lưỡi bảo, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao điện, gân sinh học, gân đồng loại.
413	Phẫu thuật nội soi tái tạo đồng thời nhiều dây chằng (chéo trước, chéo sau) bằng gân đồng loại	Lần	10.794.500	Chưa bao gồm nẹp vít, ốc, dao cắt sụn và lưỡi bảo, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao điện, gân sinh học, gân đồng loại.
414	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	Lần	12.500.000	
415	Phẫu thuật nội soi tạo hình móm cùng vai	Lần	9.802.500	Chưa bao gồm lưỡi bảo, lưỡi cắt, bộ dây bơm nước, đầu đốt, tay dao đốt điện, nẹp, ốc, vít.
416	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	Lần	11.500.000	
417	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	Lần	6.000.000	
418	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	Lần	12.200.000	
419	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	Lần	6.405.300	
420	Phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi điều trị lồng ngực bẩm sinh (VATS)	Lần	13.500.000	Chưa bao gồm các loại đinh, nẹp, vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài.
421	Phẫu thuật phi đại tuyến vú nam [Gây tê]	Lần	5.000.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
422	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Lần	12.000.000	
423	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	Lần	12.000.000	
424	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ [Gây tê]	Lần	3.000.000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
425	Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón) [Gây tê]	Lần	4.993.782	Chưa bao gồm thuốc và oxy
426	Phẫu thuật tán nhãn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL	Lần	6.300.000	Chưa bao gồm thủy tinh thể nhân tạo; đã bao gồm casset dùng nhiều lần, dịch nhầy.
427	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da lân cận	Lần	6.720.600	
428	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da tại chỗ	Lần	6.720.600	chưa bao gồm lưỡi dao
429	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Lần	6.226.900	
430	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [hai bên]	Lần	4.620.000	
431	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần [thay khớp]	Lần	10.302.500	Chưa bao gồm khớp nhân tạo.

432	Phẫu thuật thay khớp vai nhân tạo	Lần	14.892.200	Chưa bao gồm khớp nhân tạo, xi măng sinh học hoặc hóa học.
433	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	Lần	12.674.500	Chưa bao gồm khớp nhân tạo.
434	Phẫu thuật thoát vị não màng não vòm sọ	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm màng não nhân tạo, miếng và khuyết sọ, bộ van dẫn lưu, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
435	Phẫu thuật thoát vị tủy-màng tủy	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm màng não nhân tạo, miếng và khuyết sọ, bộ van dẫn lưu, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
436	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	Lần	7.000.000	
437	Phẫu thuật trượt bán lè cổ chẩm	Lần	16.697.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa.
438	Phẫu thuật tụ máu dưới màng cứng	Lần	15.000.000	Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng và khuyết sọ, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
439	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, vật liệu tạo hình hộp sọ, màng não nhân tạo, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
440	Phẫu thuật u dưới trong màng tủy, ngoài tủy, bằng đường vào phía sau hoặc sau - ngoài	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm miếng và khuyết sọ, dao siêu âm (trong phẫu thuật u não), nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
441	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm dụng cụ dẫn đường, ghim, ốc, vít, nẹp, dao siêu âm, bộ dẫn lưu não thất, miếng và khuyết sọ, vật liệu cầm máu, keo sinh học, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
442	Phẫu thuật u máu thể hang (cavernoma) đại não	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm dụng cụ dẫn đường, ghim, ốc, vít, nẹp, dao siêu âm, bộ dẫn lưu não thất, miếng và khuyết sọ, vật liệu cầm máu, keo sinh học, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
443	Phẫu thuật u ngoài màng cứng tủy sống-rễ thần kinh, bằng đường vào phía sau	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm miếng và khuyết sọ, dao siêu âm (trong phẫu thuật u não), nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
444	Phẫu thuật u rễ thần kinh ngoài màng tủy kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đốt sống nhân tạo, mũi khoan
445	Phẫu thuật u tăng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán 2 bên	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, vật liệu cầm máu sinh học, màng não nhân tạo, dao siêu âm, keo sinh học, mũi khoan
446	Phẫu thuật u tăng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán một bên	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, vật liệu cầm máu sinh học, màng não nhân tạo, dao siêu âm, keo sinh học, mũi khoan
447	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào trước hoặc trước-ngoài	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đốt sống nhân tạo, mũi khoan
448	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, không tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau hoặc sau-ngoài	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm miếng và khuyết sọ, dao siêu âm (trong phẫu thuật u não), nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
449	Phẫu thuật u vùng tăng giữa nền sọ bằng mở nắp sọ	Lần	18.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, vật liệu cầm máu sinh học, màng não nhân tạo, dao siêu âm, keo sinh học, mũi khoan
450	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, vật liệu tạo hình hộp sọ, màng não nhân tạo, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
451	Phẫu thuật và da diện tích >10 cm ² [Gây tê]	Lần	7.964.457	Chưa bao gồm thuốc và oxy
452	Phẫu thuật và da diện tích từ 5-10 cm ² [Gây tê]	Lần	5.583.650	Chưa bao gồm thuốc và oxy
453	Phẫu thuật và đường rò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm màng não nhân tạo, miếng và khuyết sọ, bộ van dẫn lưu, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
454	Phẫu thuật và khuyết sọ sau chấn thương sọ não	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm xương nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, đinh, nẹp, vít, lưới tital, ghim, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu cầm máu sinh học, mũi khoan
455	Phẫu thuật và màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	Lần	9.213.000	Chưa bao gồm màng não nhân tạo, miếng và khuyết sọ, bộ van dẫn lưu, nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ.
456	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu [Gây tê]	Lần	5.149.033	Chưa bao gồm thuốc và oxy
457	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Lần	9.204.600	
458	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
459	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa, mũi khoan
460	Phẫu thuật vết thương tủy sống	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm miếng và khuyết sọ, dao siêu âm (trong phẫu thuật u não), nẹp, vít, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
461	Phẫu thuật vi phẫu u não đường giữa	Lần	20.000.000	Chưa bao gồm miếng và nhân tạo, ghim, ốc, vít, nẹp, thiết bị cấy ghép, keo sinh học, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
462	Phẫu thuật viêm xương sọ	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm nẹp, ghim, ốc, vít, mũi khoan
463	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
464	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan

465	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Lần	12.000.000	Chưa bao gồm mũi khoan
466	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
467	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng và khuyết sọ, miếng và nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, mũi khoan
468	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	8.030.000	Chưa bao gồm nẹp, vít.
469	Rút đinh các loại	Lần	4.857.900	
470	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	Lần	5.000.000	
471	Tân sỏi thận qua da	Lần	12.000.000	Chưa bao gồm sonde JJ, dây tán sỏi, bộ nong
472	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes)	Lần	12.500.000	
473	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	Lần	7.000.000	
474	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	6.800.000	
475	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...) [gây tê]	Lần	10.000.000	Chưa bao gồm thuốc tê, oxy
476	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...) [gây tê]	Lần	7.500.000	Chưa bao gồm thuốc tê, oxy
477	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	9.000.000	
478	Đỡ đẻ ngôi ngược (*) [BS hợp tác: CKII, TS]	Lần	5.000.000	
479	Đỡ đẻ thường ngôi chòm [Bao gồm thủ thuật kèm/hút]	Lần	4.000.000	
480	Đỡ đẻ thường ngôi chòm [BS hợp tác: CKII, TS]	Lần	5.000.000	
481	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên [BS hợp tác: CKII, TS]	Lần	5.000.000	
482	Forceps [BS hợp tác: CKII, TS]	Lần	5.000.000	
483	Xét nghiệm sàng lọc sơ sinh [5 gen]	Lần	600.000	
484	Tái tạo da mặt bằng hóa chất	Lần	700.000	
485	Điều trị sẹo lõm bằng laser Fractional, radiofrequency	Lần	2.000.000	
486	Trẻ hóa da bằng các kỹ thuật laser Fractional	Lần	2.000.000	
487	Truyền tĩnh mạch [Truyền thuốc tại khoa]	Lần	500.000	Chưa bao gồm thuốc
488	Điện tim thường	Lần	100.000	
489	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	Lần	450.000	
490	Siêu âm Doppler tim, van tim	Lần	350.000	
491	Nội soi tai	Lần	90.000	
492	Nội soi mũi	Lần	90.000	
493	HPV Real-time PCR	Lần	450.000	
494	Vi khuẩn định danh PCR	Lần	800.000	
495	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	Lần	150.000	
496	Đo nhãn áp	Lần	90.000	
497	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Lần	170.000	
498	Cắt phimosis [thủ thuật]	Lần	3.000.000	
499	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	Lần	2.000.000	
500	Chụp và phân tích da bằng máy[Soi da]	Lần	400.000	
501	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	Lần	350.000	
502	Điều trị dây sừng ánh nắng bằng Laser CO2	Lần	800.000	
503	Điều trị dây sừng da đầu bằng Laser CO2	Lần	800.000	
504	Đo khúc xạ máy	Lần	80.000	
505	Khi dung mũi họng	Lần	84.000	Chưa bao gồm thuốc khi dung.
506	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	Lần	1.500.000	
507	Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn	Lần	200.000	
508	Nhổ răng số 8 bình thường	Lần	440.000	
509	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	Lần	1.200.000	
510	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	Lần	1.200.000	
511	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	Lần	2.500.000	
512	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê]	Lần	3.500.000	
513	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây tê]	Lần	4.000.000	
514	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê]	Lần	4.500.000	
515	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	Lần	384.000	
516	Rút sonde JJ qua đường nội soi bằng quang	Lần	1.700.000	
517	Soi cổ tử cung	Lần	200.000	
518	Tháo que tránh thai	Lần	500.000	
519	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]	Lần	100.000	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
520	Thay băng [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	Lần	200.000	
521	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	Lần	150.000	Trường hợp theo dõi tim thai và cơn co tử cung của sản phụ khoa trong cuộc đẻ thì thanh toán 01 lần/ngày điều trị.
522	Tiêm khớp	Lần	300.000	Chưa bao gồm thuốc tiêm
523	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Lần	55.000	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.

524	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	Lần	55.000	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.
525	Truyền tĩnh mạch [Truyền thuốc][Chưa bao gồm thuốc và dịch truyền]	Lần	210.000	Chưa bao gồm thuốc
526	Chụp động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền (DSA)	Lần	8.000.000	
527	Chụp động mạch mạc treo số hóa xóa nền (DSA)	Lần	8.000.000	
528	Chụp động mạch não số hóa xóa nền (DSA)	Lần	8.000.000	
529	Chụp động mạch phế quản số hóa xóa nền (DSA)	Lần	8.000.000	
530	Chụp động mạch vành	Lần	7.700.000	
531	Chụp nút mạch điều trị ung thư gan (TACE)	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
532	Chụp tĩnh mạch số hóa xóa nền (DSA)	Lần	8.000.000	
533	Chụp và can thiệp mạch lách số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
534	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ số hóa xóa nền	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng các loại, các cỡ; bộ bơm áp lực, stent, keo nút mạch, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch; dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối; b
535	Chụp và điều trị bơm thuốc tiêu sợi huyết tại chỗ mạch chi qua ống thông số hóa xóa nền	Lần	8.000.000	
536	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch dạ dày số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
537	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch thực quản xuyên gan qua da số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
538	Chụp và điều trị lấy huyết khối qua ống thông điều trị tắc mạch chi số hóa xóa nền	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng các loại, các cỡ; bộ bơm áp lực, stent, keo nút mạch, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch; dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối; b
539	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng các loại, các cỡ; bộ bơm áp lực, stent, keo nút mạch, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch; dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối; b
540	Chụp và nút dị dạng mạch các tạng số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
541	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
542	Chụp và nút động mạch đốt sống số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
543	Chụp và nút động mạch gan số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
544	Chụp và nút động mạch phế quản số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
545	Chụp và nút động mạch tử cung số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
546	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ

547	Chụp và nút mạch bằng hạt gắn hóa chất điều trị u gan số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
548	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
549	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
550	Chụp và nút mạch điều trị u gan số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
551	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
552	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
553	Chụp và nút mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
554	Chụp và nút mạch tiền phẫu các khối u số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
555	Chụp và nút thông động mạch cảnh xoang hang số hóa xóa nền	Lần	19.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc
556	Chụp, nong và đặt stent động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Lần	16.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng các loại, các cỡ; bộ bơm áp lực, stent, keo nút mạch, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch; dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối; b
557	Chụp, nong và đặt stent động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
558	Chụp, nong và đặt stent động mạch thận số hóa xóa nền	Lần	17.000.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng; bộ bơm áp lực, stent, các vật liệu nút mạch, keo nút mạch, các vi ống thông; các dây dẫn, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại; dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ
559	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành [1 Stent]	Lần	15.200.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
560	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành [2 Stent]	Lần	18.200.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
561	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành [3 Stent]	Lần	19.200.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
562	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành [Stent thường]	Lần	11.700.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
563	Nong đặt stent đường mật số hóa xóa nền	Lần	9.000.000	Chưa bao gồm kim chọc, bóng nong, bộ nong, stent, các sonde dẫn, các dây dẫn, ống thông, rọ lấy dị vật.

564	Nong và đặt stent động mạch vành	Lần	15.200.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
565	Nong và đặt stent động mạch vành [2 Stent]	Lần	18.200.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
566	Nong và đặt stent động mạch vành [3 Stent]	Lần	19.200.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
567	Nong và đặt stent động mạch vành [Stent thường]	Lần	11.700.000	Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, lưới lọc tĩnh mạch, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối, bộ d
568	Bơm rửa lệ đạo	Lần	150.000	
569	Bơm thông lệ đạo [hai mắt]	Lần	260.000	
570	Bơm thông lệ đạo [một mắt]	Lần	200.000	
571	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	Lần	450.000	Áp dụng đối với bệnh Pemphigus hoặc Pemphigoid hoặc ly thượng bì bong nước bẩm sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỳ đ
572	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Lần	900.000	
573	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ, âm đạo; tăng sinh môn	Lần	2.900.000	
574	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	Lần	823.000	
575	Trích áp xe tăng sinh môn	Lần	2.000.000	
576	Trích áp xe tuyến Bartholin	Lần	2.000.000	
577	Trích áp xe vú	Lần	620.000	
578	Trích chấp, lệ, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	Lần	250.000	
579	Chọc dò túi cùng Douglas	Lần	700.000	
580	Chọc hút dịch vành tai	Lần	343.200	
581	Đặt ống thông dạ dày	Lần	327.000	
582	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	Lần	3.300.000	Chưa bao gồm Sonde JJ.
583	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ)	Lần	3.000.000	Chưa bao gồm Sonde JJ.
584	Đặt sonde bàng quang	Lần	289.000	
585	Điều trị bệnh râm má bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	Lần	500.000	
586	Điều trị bệnh rụng tóc bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	Lần	500.000	
587	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	Lần	500.000	
588	Điều trị bớt sùi bằng laser CO2	Lần	400.000	
589	Điều trị dân lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	Lần	500.000	
590	Điều trị hạt com bằng laser CO2	Lần	400.000	
591	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	Lần	500.000	
592	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED	Lần	400.000	
593	Điều trị mụn trứng cá bằng IPL	Lần	500.000	
594	Điều trị chứng râm lông bằng IPL	Lần	500.000	
595	Điều trị rạn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	Lần	500.000	
596	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	Lần	350.000	
597	Điều trị sần cục bằng laser CO2	Lần	400.000	
598	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Lần	528.000	
599	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	Lần	400.000	
600	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	Lần	500.000	
601	Điều chỉnh tăng sắc tố bằng IPL	Lần	500.000	
602	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	2.000.000	
603	Điều trị u mềm treo bằng laser CO2	Lần	700.000	
604	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng laser CO2	Lần	700.000	
605	Xóa nếp nhăn bằng IPL	Lần	500.000	
606	Đờ dề ngội ngược (*)	Lần	3.500.000	
607	Đờ dề ngội ngược (*) [BS hợp tác]	Lần	4.500.000	
608	Đờ dề ngội ngược (*) [Gia đình]	Lần	4.000.000	
609	Đờ dề thường ngội chòm	Lần	3.500.000	
610	Đờ dề thường ngội chòm [BS hợp tác]	Lần	4.500.000	
611	Đờ dề thường ngội chòm[Gia đình]	Lần	4.000.000	
612	Đờ dề từ sinh đôi trở lên	Lần	3.500.000	
613	Đờ dề từ sinh đôi trở lên [BS hợp tác]	Lần	4.500.000	
614	Đờ dề từ sinh đôi trở lên [Gia đình]	Lần	4.000.000	

615	Đo khúc xạ giác mạc	Lần	100.000	
616	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	Lần	130.000	
617	Đo sắc giác	Lần	140.000	
618	Đốt lông siêu, nhổ lông siêu	Lần	100.000	
619	Forceps	Lần	3.500.000	
620	Forceps [BS hợp tác]	Lần	4.500.000	
621	Forceps [Gia đình]	Lần	4.000.000	
622	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Lần	1.500.000	
623	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Lần	2.626.700	
624	Hút thai dưới siêu âm	Lần	2.000.000	
625	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Lần	2.500.000	
626	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	Lần	850.000	
627	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	Lần	960.000	
628	Khâu vòng cổ tử cung	Lần	2.000.000	
629	Khí dung mũi họng	Lần	84.000	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
630	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gậy tê ngoài màng cứng	Lần	2.500.000	
631	Kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gậy tê ngoài màng cứng	Lần	2.000.000	
632	Làm Proetz	Lần	144.000	
633	Làm thuốc tai	Lần	120.000	Chưa bao gồm thuốc.
634	Làm thuốc tai [2 bên]	Lần	144.000	Chưa bao gồm thuốc.
635	Làm thuốc tai	Lần	120.000	Chưa bao gồm thuốc.
636	Lập trình máy tạo nhịp tim	Lần	300.000	
637	Lấy calci kết mạc	Lần	200.000	
638	Lấy cao răng [hai hàm]	Lần	396.000	
639	Lấy dị vật âm đạo	Lần	1.500.000	
640	Lấy dị vật giác mạc sâu [gậy tê]	Lần	845.000	
641	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc nông, một mắt, gậy tê]	Lần	244.000	
642	Lấy dị vật hạ họng	Lần	252.000	
643	Lấy dị vật họng miệng	Lần	252.000	
644	Lấy dị vật kết mạc	Lần	200.000	
645	Lấy dị vật mũi [không gây mê]	Lần	600.000	
646	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây mê]	Lần	530.700	
647	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lần	219.600	
648	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài [2 bên]	Lần	240.000	
649	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	Lần	7.310.600	Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc.
650	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng	Lần	7.310.600	Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc.
651	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	Lần	7.310.600	Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc.
652	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	Lần	7.310.600	Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc.
653	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	Lần	7.310.600	Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc.
654	Lọc và tách huyết tương chọn lọc	Lần	6.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
655	Mở thông bằng quang trên xương mu	Lần	3.000.000	
656	Nắn sai khớp thái dương hàm	Lần	700.000	
657	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Lần	100.000	
658	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gậy tê]	Lần	2.800.000	
659	Nạo hút thai trứng	Lần	1.400.000	
660	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	Lần	2.000.000	
661	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Lần	550.000	
662	Nhổ răng sữa	Lần	150.000	
663	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Lần	330.000	
664	Nội soi bằng quang chẩn đoán (Nội soi bằng quang không sinh thiết)	Lần	3.000.000	
665	Nội soi bằng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần	3.000.000	
666	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [gây mê]	Lần	2.607.600	
667	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần	7.000.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi, dây tán sỏi
668	Nội thông động - tĩnh mạch	Lần	3.438.000	
669	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	Lần	1.500.000	
670	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Lần	500.000	
671	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	Lần	1.500.000	
672	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	Lần	2.000.000	
673	Phương pháp Proetz	Lần	144.000	
674	Rửa cùng đỏ	Lần	170.000	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt
675	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	Lần	600.000	
676	Sinh thiết u họng miệng	Lần	960.000	

677	Soi dây mắt trực tiếp	Lần	140.000	
678	Soi góc tiền phòng	Lần	140.000	
679	Thận nhân tạo thường quy	Lần	1.000.000	Quả lọc dây máu dùng 6 lần.
680	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	Lần	1.500.000	
681	Tiêm dưới kết mạc	Lần	190.000	Chưa bao gồm thuốc.
682	Tiêm hậu nhãn cầu	Lần	180.000	Chưa bao gồm thuốc.
683	Trẻ hóa da bằng chiếu đèn LED	Lần	500.000	
684	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	Lần	1.476.000	
685	Gói gây mê [Nội soi dạ dày]	Lần	1.100.000	
686	Gói gây mê [Nội soi dạ dày+đại tràng]	Lần	2.500.000	
687	Gói gây mê [Nội soi đại tràng]	Lần	1.500.000	
688	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	Lần	680.000	
689	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	Lần	492.000	
690	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [không gây mê]	Lần	612.000	
691	Nội soi tai mũi họng	Lần	360.000	
692	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	Lần	1.032.000	
693	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cấp cứu	Lần	580.000	
694	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	Lần	880.000	Đã bao gồm chi phí Test HP
695	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	Lần	580.000	
696	Hút rửa mũi, xoang sau mũi	Lần	312.000	
697	Cấy chỉ	Lần	390.000	
698	Cấy chỉ [xô sẵn 10 cây]	Lần	975.000	
699	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học qua chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA)	Lần	350.000	
700	ADA	Lần	170.000	
701	Nghiệm pháp dung nạp đường trong tầm soát chẩn đoán tiểu đường thai kỳ	Lần	260.000	
702	Truyền tĩnh mạch [Công truyền máu]	Lần	160.000	
703	Test thử C13 tìm Helicobacterpylori	Lần	800.000	
704	Xét nghiệm (lấy máu và trả kết quả tại chỗ)	Lần	25.000	
705	Xét nghiệm Double Test [sàng lọc]	Lần	480.000	
706	Xét nghiệm Triple Test [sàng lọc]	Lần	480.000	
707	Xét nghiệm TSH,G6PD,CAH(17OHP) [sàng lọc]	Lần	350.000	
708	Các phản ứng lên bóng chẩn đoán Syphilis (Kahn, Kline, VDRL)	Lần	75.000	
709	Thay canuyn mở khí quản	Lần	536.400	
710	Thay băng vết mổ [không nhiễm trùng]	Lần	100.000	
711	Thay băng vết mổ [nhiễm trùng]	Lần	200.000	
712	Tư vấn tiêm ngừa	Lần	60.000	
713	Xét nghiệm (lấy máu và trả kết quả tại chỗ)	Lần	25.000	
714	Chi phí truyền hóa chất	Lần	300.000	
715	Khám bệnh yêu cầu trực tuyến	Lần	185.000	
716	Nẹp bàn tay	Lần	60.000	
717	Nẹp cẳng chân	Lần	75.000	
718	Nẹp cánh tay	Lần	75.000	
719	Nẹp đùi	Lần	110.000	
720	Xét nghiệm sàng lọc gen bệnh thê ẩn trisurecarrier [CarrierThalass]	Lần	2.256.000	
721	Xét nghiệm sàng lọc gen bệnh thê ẩn trisurecarrier [TriSure Carrier]	Lần	2.731.000	
722	Xét nghiệm sàng lọc sơ sinh [BabySure][5 gen]	Lần	641.000	
723	Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn Trisure-Nipt [triSure]	Lần	5.700.000	
724	Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn Trisure-Nipt [TriSure3]	Lần	2.613.000	
725	Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn Trisure-Nipt [triSure9.5]	Lần	3.800.000	
726	Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn Trisure-Nipt [TriSureFirst]	Lần	1.781.000	
727	Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn Trisure-Nipt [triSureProcure]	Lần	10.569.000	
728	Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn Trisure-Nipt [triSureThalass]	Lần	3.206.000	
729	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [Bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne]	Lần	5.344.000	
730	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [Bệnh Teo Cơ Tủy Sống SMA]	Lần	5.344.000	
731	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [CNVSure]	Lần	5.344.000	
732	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [DiagSure]	Lần	7.719.000	
733	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [G4500(+CNV)]	Lần	10.094.000	
734	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [G4500-Family(Bố,mẹ,con)]	Lần	24.344.000	
735	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [GenCare Premium]	Lần	17.813.000	
736	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [GenLDL]	Lần	2.256.000	
737	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [GenTi Thẻ]	Lần	5.938.000	
738	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [MenCare]	Lần	2.969.000	
739	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [oncoSure Plus]	Lần	11.875.000	

740	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [oncoSure]	Lần	7.719.000	
741	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [PinkCare]	Lần	2.969.000	
742	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [SPOT-MAS]	Lần	8.313.000	
743	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [WES (+CNV)]	Lần	16.625.000	
744	Xét nghiệm tầm soát ung thư di truyền [WGS]	Lần	23.750.000	
745	An thần người bệnh nội soi đường tiêu hóa[Nội soi dạ dày]	Lần	1.200.000	
746	An thần người bệnh nội soi đường tiêu hóa[Nội soi đại tràng]	Lần	1.500.000	
747	An thần người bệnh nội soi đường tiêu hóa[Nội soi dạ dày và đại tràng]	Lần	2.500.000	
748	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật[chụp CT-scanner hoặc MRI]	Lần	1.500.000	
749	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê - morphinic qua khoang ngoài màng cứng ngực qua bơm tiêm điện[Giảm đau sau mổ bằng gây tê ngoài màng cứng PCA]	Lần	2.500.000	
750	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê - morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện[Giảm đau sau mổ bằng gây tê ngoài màng cứng PCA]	Lần	2.500.000	
751	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter[Giảm đau sau mổ bằng gây tê vùng truyền liên tục PCA]	Lần	2.500.000	
752	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thần kinh qua catheter[Giảm đau sau mổ bằng gây tê vùng truyền liên tục PCA]	Lần	2.500.000	
753	Kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê ngoài màng cứng	Lần	1.800.000	
754	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
755	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
756	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
757	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
758	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
759	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
760	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
761	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
762	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
763	Kỹ thuật gây tê thần kinh kinh[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
764	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
765	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
766	Kỹ thuật giảm đau qua các lớp cân bụng (TAP)[Giảm đau sau mổ gây tê vùng (single shot)]	Lần	1.000.000	
767	Kỹ thuật giảm đau bằng morphinic tủy sống[Giảm đau sau mổ bằng morphin khoang dưới nhện]	Lần	600.000	
768	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật[Áp dụng cho các thủ thuật khác]	Lần	1.200.000	
769	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter[Giảm đau sau mổ bằng gây tê vùng tiêm ngắt quãng]	Lần	2.000.000	
770	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thần kinh qua catheter[Giảm đau sau mổ bằng gây tê vùng tiêm ngắt quãng]	Lần	2.000.000	
771	Theo dõi tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa [Đo tim thai tại giường]	Lần	35.000	
772	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Chấn Thương Chính Hình sau PT đặc biệt DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
773	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn Thương Chính Hình sau PT loại 1 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
774	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Chấn Thương Chính Hình sau PT loại 2 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
775	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Chấn Thương Chính Hình sau PT loại 3 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
776	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn Thương Chính Hình DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
777	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực DV (3 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	1.344.000	
778	Giường Hồi sức tích cực Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực DV (3 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	1.344.000	
779	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Mắt sau PT loại đặc biệt DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	

780	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt sau PT loại 1 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
781	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Mắt sau PT loại 2 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
782	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Mắt sau PT loại 3 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
783	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
784	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Ngoại Thần Kinh sau PT loại đặc biệt DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
785	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại Thần Kinh sau PT loại 1 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
786	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại Thần Kinh sau PT loại 2 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
787	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Ngoại Thần Kinh sau PT loại 3 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
788	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại Thần Kinh DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
789	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Ngoại Thận - Tiết Niệu sau PT đặc biệt DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
790	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại Thận - Tiết Niệu sau PT loại 1 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
791	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại Thận - Tiết Niệu sau PT loại 2 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
792	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Ngoại Thận - Tiết Niệu sau PT loại 3 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
793	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại Thận - Tiết Niệu DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
794	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Ngoại Tổng Hợp sau PT đặc biệt DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
795	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại Tổng Hợp sau PT loại 1 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
796	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại Tổng Hợp sau PT loại 2 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
797	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Ngoại Tổng Hợp sau PT loại 3 DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
798	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại Tổng Hợp DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
799	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
800	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi DV Đơn nguyên sơ sinh	Ngày/Giường	480.810	
801	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi DV loại 2	Ngày/Giường	480.810	
802	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Thần kinh DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
803	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Nội Tiết sau PT loại 1 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
804	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Nội Tiết sau PT loại 2 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
805	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Nội Tiết sau PT loại 3 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
806	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội Tiết DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	

807	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội Tiêu Hóa DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
808	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội Tim mạch DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
809	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội Tổng Hợp DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
810	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Phụ - Sản sau PT đặc biệt DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
811	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Phụ - Sản VIP sau PT đặc biệt (2 giường 1 phòng)[năm 1 giường]	Ngày/Giường	1.386.000	
812	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản VIP sau PT loại 1 (2 giường 1 phòng)[năm 1 giường]	Ngày/Giường	1.386.000	
813	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Phụ - Sản sau PT loại 2 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
814	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Phụ - Sản VIP sau PT loại 2 (2 giường 1 phòng)[năm 1 giường]	Ngày/Giường	1.386.000	
815	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Phụ - Sản sau PT loại 3 DV (4 Giường 1 phòng)	Ngày/Giường	759.000	
816	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Phụ - Sản VIP sau PT loại 3 (2 giường 1 phòng)[năm 1 giường]	Ngày/Giường	1.386.000	
817	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
818	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản VIP (2 giường 1 phòng)[năm 1 giường]	Ngày/Giường	979.000	
819	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt sau PT đặc biệt DV [4 Giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
820	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt sau PT loại 1 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
821	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt sau PT loại 2 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
822	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt sau PT loại 3 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
823	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
824	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng sau PT loại đặc biệt DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
825	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng sau PT loại 1 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
826	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng sau PT loại 2 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
827	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng sau PT loại 3 DV [4 giường 1 phòng]	Ngày/Giường	759.000	
828	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
829	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Truyền Nhiễm DV (4 giường 1 phòng)	Ngày/Giường	616.000	
830	Gói Khám Bệnh Mạch Vành	Lần	3.700.000	
831	Gói Khám Tuyến Giáp	Lần	1.000.000	
832	Gói Khám Tăng Huyết Áp	Lần	2.700.000	
833	Gói Khám Thần Kinh	Lần	2.900.000	
834	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nữ Độc Thân	Lần	3.700.000	
835	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nữ Có Gia Đình	Lần	4.300.000	
836	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nam Dưới 50 Tuổi	Lần	3.300.000	
837	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nam Trên 50 Tuổi	Lần	3.500.000	

838	Tầm Soát Chẩn Đoán Và Theo Dõi Bệnh Tăng Huyết Áp	Lần	1.500.000
839	Tầm Soát Chẩn Đoán Và Theo Dõi Rối Nhịp Tim	Lần	1.500.000
840	Khám Sức Khỏe Tim Mạch Chuyên Sâu Toàn Diện	Lần	4.000.000
841	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản[ck 10]	Lần	1.530.000
842	Gói Tầm Soát Nguy Cơ Đột Quỵ[ck 20]	Lần	1.360.000
843	Gói Tầm Soát Bệnh Thận Mạn[ck 20]	Lần	960.000
844	Gói Khám Tầm Soát Tăng Huyết Áp[ck 20]	Lần	2.160.000
845	Gói Khám Tầm Soát Suy Giảm Tĩnh Mạch Chi Dưới[ck 20]	Lần	1.600.000
846	Gói Khám Tầm Soát Bệnh Mạch Vành[ck 20]	Lần	2.960.000
847	Gói Khám Sáng Lọc Bệnh Lý Tim Mạch Cơ Bản[ck 10]	Lần	1.530.000
848	Gói Khám Sáng Lọc Bệnh Lý Tiểu Đường[ck 20]	Lần	960.000
849	Gói Khám Sáng Lọc Tiết Niệu - Sỏi[ck 20]	Lần	520.000
850	Gói Tầm Soát Nguy Cơ Bệnh Phổi Tắc Nghẽn Mạn Tính[ck 20]	Lần	560.000
851	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Trẻ Em[ck 10]	Lần	1.530.000
852	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nam Dưới 50 Tuổi [ck 10]	Lần	2.970.000
853	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nam Trên 50 Tuổi [ck 10]	Lần	3.150.000
854	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nữ Có Gia Đình [ck 10]	Lần	3.870.000
855	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Và Tầm Soát Ung Thư Nữ Độc Thân[ck 10]	Lần	3.330.000
856	Gói Tầm Soát Ung Thư Hệ Tiêu Hóa[ck 20]	Lần	2.160.000
857	Gói Tầm Soát Ung Thư Tiền Liệt Tuyến[ck 20]	Lần	1.040.000
858	Gói Tầm Soát Ung Thư Gan[ck 20]	Lần	1.600.000
859	Gói Tầm Soát Ung Thư Phổi[ck 20]	Lần	1.600.000
860	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Nam Dưới 50 Tuổi	Lần	1.200.000
861	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Nam Trên 50 Tuổi	Lần	1.400.000
862	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Nữ Độc Thân	Lần	1.500.000
863	Gói Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản Nữ Có Gia Đình	Lần	1.900.000
864	Khám Sức Khỏe Tổng Quát Cơ Bản	Lần	1.700.000
865	Khám Sức Khỏe Tổng Quát Trẻ Em	Lần	1.700.000
866	Gói Khám Tiền Sản 11 Tuần	Lần	8.500.000
867	Gói Khám Tiền Sản 28 Tuần	Lần	5.600.000
868	Gói Khám Tiền Sản 36 Tuần	Lần	3.800.000
869	Gói Khám Tiền Sản Chuyên Dạ	Lần	1.700.000
870	Tầm Soát Nguy Cơ Bệnh Phổi Tắc Nghẽn Mạn Tính	Lần	700.000
871	Gói Tầm Soát Đái Tháo Đường, Rối Loạn Mỡ Máu Và Gout	Lần	1.700.000
872	Gói Khám Suy Giảm Tĩnh Mạch Chi Dưới	Lần	2.000.000
873	Gói Khám Sáng Lọc Bệnh Lý Tiểu Đường	Lần	1.200.000
874	Gói Khám Sáng Lọc Bệnh Lý Tim Mạch Cơ Bản	Lần	1.700.000
875	Gói Khám Sáng Lọc Tiết Niệu - Sỏi	Lần	650.000
876	Gói Sáng Lọc Ung Thư Vú	Lần	1.200.000
877	Khám Sức Khỏe Tim Mạch Tổng Quát	Lần	3.000.000
878	Gói Tầm Soát Nguy Cơ Đột Quỵ Cơ Bản	Lần	1.500.000
879	Gói Tầm Soát Nguy Cơ Đột Quỵ Nâng Cao	Lần	4.000.000
880	Gói Tầm Soát Bệnh Thận Mạn	Lần	1.200.000
881	Tầm Soát Chẩn Đoán Bệnh Mạch Vành(Thiếu Máu Cơ Tim)	Lần	3.800.000
882	Gói Tầm Soát Nguy Cơ Đột Quỵ	Lần	1.700.000
883	Tầm Soát Ung Thư Gan	Lần	2.000.000
884	Tầm Soát Ung Thư Phổi	Lần	2.000.000
885	Sáng Lọc Ung Thư Cổ Tử Cung	Lần	1.200.000
886	Tầm Soát Ung Thư Đường Tiêu Hóa	Lần	2.600.000
887	Gói Tầm Soát Ung Thư Hệ Tiêu Hóa	Lần	2.700.000
888	Tầm Soát Ung Thư Tiền Liệt Tuyến	Lần	1.300.000
889	Chuyển viện theo yêu cầu (NVYT - BS)	Lần	500.000
890	Chuyển viện theo yêu cầu (NVYT- ĐD)	Lần	400.000
891	Bịch gạc tiết khuẩn	Bộ	12.000
892	Bịch gòn tiết khuẩn	Bộ	10.000
893	Bộ cắt chỉ	Bộ	8.000
894	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết khuẩn	Bộ	164.000
895	Bộ dụng cụ tiểu phẫu tiết khuẩn	Bộ	24.000
896	Bộ khăn sơ sinh	Bộ	200.000
897	Bộ quần áo cánh xanh tiết khuẩn	Bộ	10.000
898	Bộ quần áo phòng dịch (tiệt trùng) (09)	Bộ	33.000
899	Bộ thay băng số 1	Bộ	8.000
900	Bộ thay băng số 2	Bộ	10.000

901	Bộ thay băng số 3	Bộ	12.000	
902	Bộ thay băng tiểu đường	Bộ	16.000	
903	Cạo tóc trong phẫu thuật [Dịch vụ]	Lần	200.000	
904	Cấp lần 2 (giấy ra viện, giấy chứng sinh, giấy nghỉ hưởng BHXH)	Lần	30.000	
905	Chi phí giặt ủi[drap giường, quần áo]	Lần	10.000	
906	Đăng ký khám bệnh yêu cầu trực tuyến	Lần	20.000	
907	Ghế bỏ phòng lưu trú [P.Máy lạnh]	Lần	100.000	
908	Ghế bỏ phòng lưu trú [P.Thường]	Lần	60.000	
909	Giữ xác 1 h - 24 h	Lần	300.000	
910	Gói chăm sóc sau sinh	Lần	350.000	
911	Gội đầu cho người bệnh [Dịch vụ]	Lần	50.000	
912	Hấp diệt trùng dụng cụ	Lần	150.000	
913	Hỗ trợ vệ sinh da trước mổ	Lần	75.000	
914	In kết quả cận lâm sàng [ngoại trú]	Lần	20.000	
915	In phim CT lần 2	Lần	200.000	
916	In phim lần 2 chụp Cộng hưởng từ MRI	Lần	400.000	
917	In phim lần 2 chụp XQ	Lần	40.000	
918	Lưu xác	Lần	300.000	
919	Máy C-ARM	Lần	500.000	
920	Thuê ghế bỏ	Lần	30.000	
921	Photo HSBA	Lần	50.000	
922	Sao lưu kết quả chụp CT, MRI vào đĩa CD	Lần	30.000	
923	Số theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em	Lần	30.000	
924	Tắm gội tại giường	Lần	100.000	
925	Thẻ nuôi bệnh	Thẻ	30.000	
926	Tóm tắt HSBA (theo yêu cầu BH)	Lần	200.000	
927	Tóm tắt HSBA (theo yêu cầu công an)	Lần	30.000	
928	Khám sàng lọc và tiêm ngừa	Lần	80.000	
929	Xác nhận (xác nhận bệnh, thời gian khám bệnh, số lần khám bệnh tại BV)	Lần	30.000	
930	Y chứng	Lần	30.000	
931	Chuyển viện tại nhà theo yêu cầu [NVYT]	Lần	500.000	
932	Chuyển viện theo yêu cầu [NVYT-BS]	Lần	500.000	
933	Chuyển viện theo yêu cầu [NVYT-BD]	Lần	400.000	
934	Dịch vụ chuyển viện	Lần	500.000	
935	Dịch vụ chuyển viện [từ 11km - 15km]	Lần	800.000	
936	Dịch vụ chuyển viện [từ 16km - 20km]	Lần	950.000	
937	Dịch vụ chuyển viện [từ 21km - 25km]	Lần	1.100.000	
938	Dịch vụ chuyển viện [từ 26km - 30km]	Lần	1.250.000	
939	Dịch vụ chuyển viện [từ 31km - 40km]	Lần	1.550.000	
940	Dịch vụ chuyển viện [từ 5km - 10km]	Lần	650.000	
941	Dịch vụ đưa đón tái khám	Lần	700.000	
942	Xăng chuyển viện (loại 1: BV nhân dân Gia Định; BV Ung Bướu; BV Nhi Đồng 2)	Lần	400.000	
943	Xăng chuyển viện (loại 2: BV Chợ Rẫy; BV CTCH; BV Nhi Đồng 1; BV 115)	Lần	500.000	
944	Bộ khăn áo sơ sinh tiết khuẩn	Bộ	200.000	
945	Bộ khăn đặt kim chạy thận	Bộ	3.000	
946	Mask phun khí dung[KSNK]	Lần	7.000	
947	Mask phun khí dung[NTH]	Lần	12.000	
948	Vòng tay bệnh nhân (người lớn)	Vòng	8.000	
949	Vòng tay bệnh nhân (trẻ em)	Vòng	8.000	

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC



TS.BS.Cao Tấn Phước